

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 8 - 2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hồng

2. Bà Dương Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lý Thu Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại nhà văn hóa thôn P, xã S, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lừ Seo S, năm sinh 1988

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hàng Thị D, năm sinh 1992

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt không có lý do.

3. *Người làm chứng:* Ông Hàng Seo D, năm sinh 1970

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. *Người phiên dịch:* Anh Giàng Seo S, năm sinh 1988

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Lừ Seo S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lừ Seo S kết hôn với chị Hàng Thị D từ ngày 25/02/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh S và chị D ở cùng mẹ chồng là bà Giàng Thị C tại thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai và chung sống hạnh phúc không có vấn đề gì. Đến ngày 05/3/2011, anh S đi sang nhà bố mẹ vợ là ông Hàng Seo D và bà Ma Thị V chơi thì

biết chị D đã tự ý bỏ nhà ra đi không nói cho anh S và gia đình nhà bố mẹ đẻ chị ấy biết là đi đâu làm gì. Sau đó, anh S đã cùng bố mẹ vợ là ông D và bà V đã dò tìm nhưng không có tin tức gì. Trong suốt mấy năm qua, anh S vẫn cố gắng liên lạc với bạn bè, người thân để tìm nhưng không có kết quả. Vì vậy, anh S mới quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự về yêu cầu tuyên bố chị Hàng Thị D mất tích, để làm căn cứ cho anh S giải quyết việc ly hôn sau này. Đến ngày 24/3/2017, Tòa án đã ban hành quyết định giải quyết việc dân sự, cụ thể: Tuyên bố chị Hàng Thị D mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay tình cảm giữa anh S đối với chị D không còn, nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn, Quyết định giải quyết việc dân sự, Giấy chứng minh nhân dân (của anh S), Sổ hộ khẩu (của anh S, chị D).

2. Đối với chị Hàng Thị D: Sau khi Toà án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng và giao các văn bản tố tụng cho gia đình cha đẻ chị D, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của chị D được, dẫn đến không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị D.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Toà án thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ và gửi văn bản cho Viện kiểm sát, việc tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng và Thư ký Tòa án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 77, 78, 81, 82 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Seo S được ly hôn với chị Hàng Thị D.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Lưu Seo S, Tòa án đã giao cho gia đình nhà cha đẻ chị Hàng Thị D và thực hiện thủ

tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để chị D có ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh S và phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai để khai về mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh S, nhưng chị D vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, xâm phạm tới quyền lợi của người khác được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn người làm chứng và người phiên dịch cho người làm chứng có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành: xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và xét xử vắng mặt người làm chứng, người phiên dịch theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 231 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lừ Seo S và chị Hàng Thị D là hợp pháp. Qua lời khai của anh S, thì khi kết hôn anh S và chị D ở cùng mẹ chồng là bà Giàng Thị C và chung sống hạnh phúc không có vấn đề gì. Đến ngày 05/3/2011, anh S đi sang nhà cha mẹ để chị D là ông Hàng Seo D và bà Ma Thị V chơi thì biết chị D đã tự ý bỏ nhà ra đi không nói cho anh S và gia đình biết là đi đâu làm gì. Sau đó, anh S đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị D mất tích. Ngày 24/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai đã ban hành quyết định giải quyết việc dân sự, cụ thể: Tuyên bố chị Hàng Thị D mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay tình cảm giữa anh S đối với chị D không còn, việc anh S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Lừ Seo S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 231 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lừ Seo S và chị Hàng Thị D.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Lừ Seo S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/0004488 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Anh S đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn - để giao và niêm yết (4);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- UBND xã M,
- H.Si Ma Cai, T.Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tổng Duy Toán